TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2024
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Ánh D
Ông Trần Ngọc Đ

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh L- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1970
Địa chỉ: Khu G, xã V, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978
Nơi ĐKHKTT: Khu G, xã V, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ.
Nơi tạm trú: Đường C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc G.

(Anh H và chị L vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn Htrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L kết hôn 28/7/2003, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại khu G, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L không quan tâm đến gia đình, có mối quan hệ bất

chính với người đàn ông khác, sau đó chị L bỏ đi làm thuê, không về nhà, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 01/4/1999 và Trần Văn H, sinh ngày 06/3/2002. Hiện nay đều đã thành niên, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Anh Hkhông yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2024 tại Toà án nhân dân huyện L, tỉnh B như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hkết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Năm 2016 chị đi làm ăn xa, thi thoảng về nhà. Từ năm 2023 anh H có mối quan hệ với người khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 5 năm 2023 anh H đuổi chị ra khỏi nhà nên vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị xác định vẫn còn tình cảm với anh Hữu, do vậy không đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh Hcó 2 con chung như anh H trình bày. Hiện nay đều đã thành niên, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L yêu cầu giải quyết các nội dung:

+ Từ tháng 5 năm 2016, chị đi làm mỗi tháng gửi cho anh H8.000.000đ, đề nghị anh Htrả lại cho chị mỗi tháng 4.000.000đ, tổng từ tháng 5/2016 đến tháng 7/2024 là 384.000.000đ

+ Đầu năm 2024 anh H bán cây trong vườn được 20.000.000đ, yêu cầu anh Htrả cho chị 10.000.000đ.

+ Tháng 5/2023 anh H lấy của chị 4 chỉ vàng 9999, yêu cầu anh H trả lại cho chị 4 chỉ vằng hoặc trả cho chị bằng tiền mặt là 28.000.000đ.

+ Tháng 10/2023 anh Hbán bò được 60.000.000đ, chị yêu cầu anh Htrả cho chị 30.000.000đ

Về nợ chung: Chị L trình bày có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Cẩm Khê 20.000.000đ, vay khoảng năm 2021. Khi ly hôn, đề nghị chị và anh Hmỗi người có trách nhiệm trả nợ 1 nửa.

Về công sức đóng góp: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị L không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Sau khi có kết quả uỷ thác, Toà án tiền hành lấy lời khai của anh Hvề tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2024 anh Hcó quan điểm như sau: Chị L trình bày mỗi tháng chị L gửi cho anh 8.000.000đ là không đúng, không có việc chị L gửi tiền về cho anh. Anh cũng không bán cây được

20.000.000đ như lời trình bày của chị L. Về số tiền bán bò 60.000.000đ vào tháng 10/2023 là không có vì anh đã không còn nuôi bò từ 3 năm nay nên không có bò để bán như chị L trình bày. Việc anh cầm 4 chỉ vàng 9999 của chị L là không đúng, vì vào khoảng tháng 5/2023 chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh và chị L xảy ra tranh cãi, chị L đi khỏi nhà, anh không cầm chỉ vàng nào của chị L. Về nợ chung của vợ chồng, anh Htrình bày không có khoản nợ nào tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Cẩm Khê.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung: Con chung Trần Thị H, sinh ngày 01/4/1999 và Trần Văn H, sinh ngày 06/3/2002, hiện nay đều đã thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Hvà chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Trần Văn Hphải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Trần Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết ly hôn. Bị đơn chị Nguyễn Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu G xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 28/7/2003. Do vậy hôn nhân giữa anh Hvà chị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hvà chị L đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không tin tưởng, yêu thương nhau, thường xảy ra tranh cãi bất hoà. Do mâu thuẫn trầm trọng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị L không đồng ý ly hôn nhưng chị L không có biện pháp gì để hàn gắn, cải thiện tình cảm vợ chồng; Đồng thời chị L vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp và hoà giải tại Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê. Việc chị L xin đoàn tụ là không thật tâm, không có căn cứ. Do vậy cần xử cho anh H được ly hôn chị L là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Các con chung của anh Hvà chị L là cháu Trần Thị H, sinh ngày 01/4/1999 và Trần Văn H, sinh ngày 06/3/2002 đều đã thành niên (Đủ 18 tuổi), hai bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:* Tại đơn khởi kiện, qúa trình giải quyết vụ án anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Phía chị L yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng như trình bày ở trên. Tuy nhiên chị L chỉ trình bày mà không cung cấp cho Tòa án được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Đối với khoản nợ 20.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Cẩm Khê. Toà án đã xác minh tại chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cẩm Khê và được Ngân hàng cung cấp anh H và chị L không có nợ tại Ngân hàng. Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung như chị L trình bày. Do vậy, không đủ căn cứ để giải quyết về tài sản chung, nợ chung như chị L trình bày trong vụ án này.

2.4. *Về công sức đóng góp:* Anh H và chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Buộc anh Trần Văn H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung: Con chung Trần Thị H, sinh ngày 01/4/1999 và Trần Văn H, sinh ngày 06/3/2002, hiện nay đều đã thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Hvà chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Hđã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004808 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Xác nhận anh Hđã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị L đều vắng mặt vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Dũng